

Số: 3294/TB-HĐTDVC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO

Kết quả kiểm tra (vòng 2) kỳ tuyển dụng viên chức Bệnh viện Nhân dân Gia Định năm 2026

Căn cứ Quyết định số 4425/QĐ-SYT ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Nhân dân Gia Định;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành nội quy và quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Kế hoạch số 1985/KH-BVNDGD ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Giám đốc về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức Bệnh viện Nhân dân Gia Định năm 2026;

Theo Biên bản họp ngày 11 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức về việc thông qua kết quả tuyển dụng viên chức vòng 2 năm 2026;

Hội đồng tuyển dụng viên chức Bệnh viện Nhân dân Gia Định năm 2026 thông báo kết quả kiểm tra (vòng 2) kỳ tuyển dụng viên chức Bệnh viện Nhân dân Gia Định năm 2026 như sau:

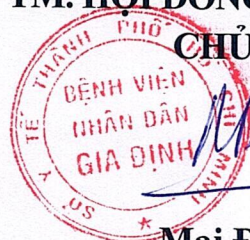
1. Tổng số thí sinh tham gia dự tuyển vòng 2: 337 thí sinh
2. Kết quả kiểm tra vòng 2 của thí sinh (*danh sách chi tiết kèm theo*)

Hội đồng tuyển dụng viên chức thông báo kết quả kiểm tra vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức Bệnh viện Nhân dân Gia Định năm 2026 tới thí sinh dự tuyển biết để thực hiện. *ML*

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc (báo cáo);
- Hội đồng tuyển dụng;
- Thí sinh dự thi;
- Lưu: VT, TCCB
(TD/3b).

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH



ML
Mai Đức Huy

KẾT QUẢ KIỂM TRA (VÒNG 2) KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC TẠI BỆNH VIỆN NHÂN DÂN GIA ĐỊNH NĂM 2026
(Kèm theo Thông báo số 3294/TB-HDTD ngày 15 tháng 09 năm 2026 của Hội đồng tuyển dụng)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
Bác sĩ (hạng III): V.08.01.03												
1	BS.03	Trần Lê Bảo Châu	29/07/1992	Chuyên khoa II, Thạc sĩ	Ngoại lồng ngực	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Ngoại Lồng ngực - mạch máu	63,5			63,5	Trúng tuyển
2	BS.02	Phú Đăng Khoa	31/03/1995	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Ngoại Lồng ngực - mạch máu	51			51	Trúng tuyển
3	BS.05	Nguyễn Công Thành	15/06/1994	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Ngoại Thận - Tiết niệu	37,5			37,5	Không trúng tuyển
4	BS.07	Nguyễn Văn Cao	01/01/1997	Chuyên khoa I	Ngoại khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Ngoại tổng hợp (cơ sở 2)	62			62	Trúng tuyển
5	BS.08	Thái Khánh Phát	07/05/1997	Bác sĩ nội trú	Ngoại tổng quát	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Ngoại tổng hợp (cơ sở 2)	53			53	Trúng tuyển
6	BS.11	Nguyễn Hoàng Anh Khoa	24/06/1997	Chuyên khoa I	Ngoại khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Ngoại Tiêu hóa	69,5			69,5	Trúng tuyển
7	BS.10	Cao Chí Tâm	17/11/1995	Chuyên khoa I	Ngoại tổng quát	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Ngoại Tiêu hóa	61			61	Không trúng tuyển
8	BS.09	Trần Nhật Duy	07/02/2000	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Ngoại Tiêu hóa	30			30	Không trúng tuyển
9	BS.12	Nguyễn Công Thành	11/02/1997	Chuyên khoa I	Ngoại khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Ngoại Gan mật tụy	65			65	Trúng tuyển
10	BS.13	Đỗ Hồng Quân	11/01/1998	Chuyên khoa I	Ngoại khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Ngoại Gan mật tụy	65			65	Trúng tuyển
11	BS.16	Võ Phan Minh Hiếu	30/08/1998	Chuyên khoa I	Chấn thương chỉnh hình	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chấn thương chỉnh hình	74			74	Trúng tuyển
12	BS.23	Tạ Văn Lâm	10/07/1990	Chuyên khoa I	Da Liễu	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Tổng hợp	59			59	Trúng tuyển
13	BS.19	Lê Trần Thùy Trang	12/12/1997	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Tổng hợp	55			55	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
14	BS.20	Huỳnh Nền Thơ	14/06/1995	Thạc sĩ	Da Liễu	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Tổng hợp	50,5			50,5	Trúng tuyển
15	BS.22	Nguyễn Bá Ngọc Thảo	07/10/1998	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Tổng hợp	50			50	Trúng tuyển
16	BS.25	Nguyễn Quang Vũ	24/04/1998	Thạc sĩ	Gây mê hồi sức	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Gây mê hồi sức	80			80	Trúng tuyển
17	BS.26	Lê Đình Nguyên Anh	23/09/2000	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Gây mê hồi sức	57,5			57,5	Trúng tuyển
18	BS.28	Võ Phạm Tường Vy	01/09/1994	Đại học	Y đa khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Phẫu thuật tim	62,5			62,5	Trúng tuyển
19	BS.30	Lê Ngọc Đức	10/12/1991	Chuyên khoa I	Phục hồi chức năng	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	88			88	Trúng tuyển
20	BS.29	Nguyễn Võ Quốc Anh	09/09/2000	Đại học	Y Khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	22,5			22,5	Không trúng tuyển
21	BS.45	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	06/08/1996	Thạc sĩ	Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	88			88	Trúng tuyển
22	BS.54	Kiều Quang Vinh	17/10/1992	Chuyên khoa I	Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	85			85	Trúng tuyển
23	BS.44	Trương Phương Thủy	19/12/1995	Chuyên khoa I	Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	85			85	Trúng tuyển
24	BS.50	Đặng Nguyễn Ngọc Việt	11/01/1999	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	84			84	Trúng tuyển
25	BS.42	Trần Ngọc Thiện	03/04/1998	Chuyên khoa I	Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	81,5			81,5	Trúng tuyển
26	BS.41	Phạm Thị Nguyên	08/02/1997	Chuyên khoa I	Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	81,25			81,25	Trúng tuyển
27	BS.48	Nguyễn Thị Phương Nhung	26/11/1997	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	80			80	Trúng tuyển
28	BS.52	Huỳnh Thị Thương Thương	01/08/1999	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	79			79	Trúng tuyển
29	BS.49	Phạm Thái Nguyên	20/12/1999	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	77,5			77,5	Trúng tuyển
30	BS.36	Hoàng Hồng Phúc	03/11/1997	Chuyên khoa I	Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	75			75	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
31	BS.46	Nguyễn Hồng Bảo	03/11/1996	Đại học	Chuyên khoa I	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	75			75	Trúng tuyển
32	BS.51	Nguyễn Tấn Lộc	01/04/1999	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	74			74	Trúng tuyển
33	BS.47	Tổng Thị Huyền	29/10/1999	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	65			65	Trúng tuyển
34	BS.43	Phan Cát Tường	28/01/1998	Chuyên khoa I	Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	64			64	Trúng tuyển
35	BS.53	Nguyễn Vũ Đức Tín	30/11/1998	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	64			64	Trúng tuyển
36	BS.34	Phạm Đức Tài	08/04/1996	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	60,5			60,5	Không trúng tuyển
37	BS.31	Nguyễn Thị Kim Chi	04/05/1999	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	39			39	Không trúng tuyển
38	BS.33	Lê Phan Hoàng Kha	30/09/2001	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	38			38	Không trúng tuyển
39	BS.35	Nguyễn Thế Anh	28/05/1987	Chuyên khoa I	Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	29,5	5	Sĩ quan dự bị	34,5	Không trúng tuyển
40	BS.57	Nguyễn Thị Hạ Vi	14/10/1991	Chuyên khoa I	Giải phẫu bệnh	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Giải phẫu bệnh	86			86	Trúng tuyển
41	BS.60	Trần Công Bình	10/09/1998	Đại học	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn	82,5			82,5	Trúng tuyển
42	BS.61	Nguyễn Trung Kiên	16/06/1987	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn	67,5			67,5	Trúng tuyển
43	BS.59	Trần Triệu Phong	17/10/1994	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn	59			59	Trúng tuyển
44	BS.58	Nguyễn Minh Khoa	28/09/1993	Đại học	Y Khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn	22	5	Con thương binh	27	Không trúng tuyển
45	BS.69	Nguyễn Thị Ngọc Yến	01/06/1996	Thạc sĩ	Nội khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nội tim mạch	74			74	Trúng tuyển
46	BS.64	Nguyễn Hồ Hữu Phú	26/12/1997	Thạc sĩ	Nội khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nội tim mạch	55,5			55,5	Trúng tuyển
47	BS.67	Lê Thị Hạnh	05/03/1997	Thạc sĩ	Nội khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nội tim mạch	54,5			54,5	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
48	BS.66	Nguyễn Minh Dũng	20/11/1997	Thạc sĩ	Nội khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nội tim mạch	51			51	Trúng tuyển
49	BS.68	Phạm Tuyên	23/09/1994	Thạc sĩ	Nội khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nội tim mạch	51			51	Trúng tuyển
50	BS.65	Nguyễn Như Nhật Vy	02/03/1997	Chuyên khoa I	Nội khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nội tim mạch	50			50	Không trúng tuyển
51	BS.63	Trần Thị Cẩm Tú	11/06/1988	Chuyên khoa I	Lão Khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nội tim mạch	10,5			10,5	Không trúng tuyển
52	BS.71	Lê Quang Trường	04/02/1998	Chuyên khoa I	Nội khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Hồi sức tim mạch	63,5			63,5	Trúng tuyển
53	BS.72	Đỗ Nhật Huy	11/04/1998	Chuyên khoa I	Nội khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Hồi sức tim mạch	62,5			62,5	Trúng tuyển
54	BS.75	Nguyễn Thị Thùy Na	24/02/1997	Chuyên khoa I	Nội khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nội Tiêu hóa	74			74	Trúng tuyển
55	BS.78	Phạm Thị Minh Thuận	13/11/1996	Thạc sĩ	Nội khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nội tiêu hóa	63	5	Con thương binh	68	Trúng tuyển
56	BS.77	Nguyễn Thị Bình	04/10/1997	Chuyên khoa I	Nội khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nội Tiêu hóa	62,5			62,5	Trúng tuyển
57	BS.76	Trần Huy Minh Hằng	22/05/1998	Chuyên khoa I	Nội khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nội tiêu hóa	53			53	Trúng tuyển
58	BS.73	Nguyễn Thị Thiên Thảo	30/09/1998	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nội Tiêu hóa	20,5			20,5	Không trúng tuyển
59	BS.74	Phạm Công Hậu	17/02/1993	Chuyên khoa I	Nội khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nội Tiêu hóa	17			17	Không trúng tuyển
60	BS.81	Nguyễn Thị Diệu Huyền	13/09/1993	Chuyên khoa I	Nội khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nội Tiết - Thận	68			68	Trúng tuyển
61	BS.82	Nguyễn Trần Mỹ Thanh	11/12/1997	Chuyên khoa I	Nội khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nội Tiết - Thận	55,5			55,5	Trúng tuyển
62	BS.83	Phạm Hữu Bình	06/02/1996	Chuyên khoa I	Nội khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nội Tiết - Thận	51,5			51,5	Trúng tuyển
63	BS.87	Trần Minh Huy	01/12/1995	Thạc sĩ	Nội khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nội hô hấp	72,5			72,5	Trúng tuyển
64	BS.86	Phạm Việt Thắng	26/09/1998	Đại học	Bác sĩ y đa khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nội hô hấp	57			57	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
65	BS.85	Nguyễn Thành Luân	02/07/1997	Thạc sĩ	Nội khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nội hô hấp	54,5			54,5	Trúng tuyển
66	BS.90	Trần Vũ Thái Huy	09/05/1998	Chuyên khoa I	Nội khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nội Cơ xương khớp	61			61	Trúng tuyển
67	BS.89	Nguyễn Y Như Ngọc	02/01/1998	Chuyên khoa I	Nội khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nội Cơ xương khớp	57,5			57,5	Trúng tuyển
68	BS.91	Nguyễn Cẩm Tú	10/06/1998	Chuyên khoa I	Lão Khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nội Cơ xương khớp	55			55	Trúng tuyển
69	BS.92	Nguyễn Ngọc Thạch	18/04/1998	Chuyên khoa I	Hồi sức cấp cứu	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Hồi sức tích cực-chống độc	65			65	Trúng tuyển
70	BS.93	Trần Điền Tú	09/01/1992	Chuyên khoa I	Hồi sức cấp cứu - chống độc	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Hồi sức tích cực-chống độc	55,5			55,5	Trúng tuyển
71	BS.96	Lê Thị Nguyên Thu	07/04/1998	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Lão	56,5			56,5	Trúng tuyển
72	BS.97	Nguyễn Đắc Thanh Long	10/11/2000	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Lão	54,5			54,5	Trúng tuyển
73	BS.94	Trần Nguyễn Uyên Nhi	23/09/1999	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Lão	22			22	Không trúng tuyển
74	BS.98	Nguyễn Thị Thúy Duy	06/07/1998	Chuyên khoa I	Nội khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Tim mạch can thiệp	73			73	Trúng tuyển
75	BS.99	Nguyễn Quang Minh	25/12/1995	Thạc sĩ	Nội khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Tim mạch can thiệp	71			71	Trúng tuyển
76	BS.101	Phạm Thị Nga	11/12/1994	Chuyên khoa I	Nhi khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Bệnh lý sơ sinh	60,25			60,25	Trúng tuyển
77	BS.100	Nguyễn Thị Hồng Phúc	25/09/1996	Chuyên khoa I	Nhi khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Bệnh lý sơ sinh	27,5			27,5	Không trúng tuyển
78	BS.114	Nguyễn Hoàng Tấn Lộc	25/01/1996	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Cấp cứu	83,5			83,5	Trúng tuyển
79	BS.111	Trịnh Châu Anh	15/09/1998	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Cấp cứu	83			83	Trúng tuyển
80	BS.115	Đoàn Lê Thảo	22/05/1997	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Cấp cứu	81,5			81,5	Trúng tuyển
81	BS.110	Đặng Hoàng Sơn	28/05/1996	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Cấp cứu	80			80	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
82	BS.116	Lê Thị Thảo Trang	18/04/1994	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Cấp cứu	77,5			77,5	Trúng tuyển
83	BS.113	Nguyễn Tấn An	08/07/1997	Đại học	Y đa khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Cấp cứu	68,5			68,5	Trúng tuyển
84	BS.112	Nguyễn Hồng Phúc	19/02/1996	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Cấp cứu	65,5			65,5	Trúng tuyển
85	BS.109	Lưu Cẩm Tú	01/11/1995	Bác sĩ Y khoa	Y Khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Cấp cứu	65			65	Trúng tuyển
86	BS.108	Đinh Công Hào	09/03/1999	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Cấp cứu	56			56	Trúng tuyển
87	BS.104	Lê Trần Minh Hưng	16/09/1999	Đại học	Y Khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Cấp cứu	38			38	Không trúng tuyển
88	BS.106	Nguyễn Trần Trung Nam	14/07/2000	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Cấp cứu	24			24	Không trúng tuyển
Chỉ tiêu: 01												
89	BS.117	Trần Lê Thảo Tiên	31/07/1997	Chuyên khoa I	Nhân khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Mắt	87			87	Trúng tuyển
90	BS.118	Lê Phương Thảo	05/12/1998	Đại học	Bác sĩ Răng Hàm Mặt	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Răng Hàm Mặt	80,5			80,5	Trúng tuyển
91	BS.119	Huỳnh Ngọc Tân	24/07/1998	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Sinh hóa huyết học	96			96	Trúng tuyển
92	BS.120	Nguyễn Hương Giang	26/05/1998	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Sinh hóa huyết học	95			95	Trúng tuyển
93	BS.121	Trần Đức Đạt	27/02/1996	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng	70			70	Trúng tuyển
94	BS.122	Vũ Thị Thùy Dương	29/06/1996	Chuyên khoa I	Nội khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng	63			63	Trúng tuyển
Điều dưỡng (hạng III): V.08.05.12												
95	ĐD.III.01	Đỗ Quốc Đạt	10/05/2002	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Hồi sức tim mạch	76			76	Trúng tuyển
96	ĐD.III.03	Phạm Đình Thụy	17/05/2000	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Hồi sức tim mạch	75,5			75,5	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
97	ĐD.III.02	Nguyễn Kiều Trúc Vy	12/11/2001	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Hồi sức tim mạch	74,5			74,5	Trúng tuyển
98	ĐD.III.04	Trương Lâm Nhi	24/06/2001	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội tiêu hóa	71,5			71,5	Trúng tuyển
99	ĐD.III.05	Lê Thị Thanh Hà	17/10/2001	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội tiêu hóa	68			68	Trúng tuyển
100	ĐD.III.06	Ngô Thị Cẩm Hà	08/05/2000	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội tiêu hóa	62			62	Trúng tuyển
101	ĐD.III.07	Trương Thị Mai Trang	21/05/2000	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội thần kinh	61			61	Trúng tuyển
102	ĐD.III.09	Phạm Hoàng Diệp Thúy	03/10/1977	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội tiết - Thận	79,5			79,5	Trúng tuyển
103	ĐD.III.10	Nguyễn Lý Tường Vi	15/01/2000	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội tiết - Thận	69			69	Trúng tuyển
104	ĐD.III.11	Trần Bình Trọng	22/10/2002	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội Hô hấp	83,5			83,5	Trúng tuyển
105	ĐD.III.14	Nguyễn Thị Nga	03/09/1988	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội Hô hấp	75,5			75,5	Trúng tuyển
106	ĐD.III.12	Huỳnh Mai Quang Huy	04/10/2000	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội Hô hấp	57			57	Trúng tuyển
107	ĐD.III.13	Dương Kim Thanh	30/06/2001	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội Hô hấp	52			52	Trúng tuyển
108	ĐD.III.15	Phan Thị Huyền Trân	22/12/1999	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Hồi sức tích cực-chống độc	64,5			64,5	Trúng tuyển
109	ĐD.III.16	Lê Gia Bảo	21/08/2002	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Lão	57			57	Trúng tuyển
110	ĐD.III.18	Vũ Thảo Nguyên	22/06/2000	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Lão	54			54	Trúng tuyển
111	ĐD.III.17	Mạch Ngọc Trâm	22/05/2001	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Lão	51			51	Trúng tuyển
112	ĐD.III.20	Lâm Tâm Như	13/11/2002	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Ngoại Thận - Tiết niệu	57,5			57,5	Trúng tuyển
113	ĐD.III.19	Nguyễn Thị Hoàng Diệu	03/09/1999	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Ngoại Thận - Tiết niệu	52			52	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm tương ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
114	ĐD.III.21	Huỳnh Thị Ngọc Thúy	27/05/2000	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Ngoại Thân - Tiết niệu	51			51	Trúng tuyển
115	ĐD.III.22	Nguyễn Thị Thủy Tiên	30/09/2000	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Ngoại Thân - Tiết niệu	48,5			48,5	Không trúng tuyển
116	ĐD.III.23	Lê Thị Anh Thư	17/09/2001	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Ngoại thần kinh	65			65	Trúng tuyển
117	ĐD.III.26	Lê Thị Kim Anh	01/11/1995	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Ngoại Tiêu hóa	53			53	Trúng tuyển
118	ĐD.III.24	Nguyễn Tiến Như	18/09/2002	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Ngoại Tiêu hóa	51			51	Trúng tuyển
119	ĐD.III.25	Phan Thị Tuyết Nhi	01/01/2000	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Ngoại Tiêu hóa	48			48	Không trúng tuyển
120	ĐD.III.27	Đào Ngọc Bảo Quỳnh	07/01/1996	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Ngoại Gan Mật Tụy	50			50	Trúng tuyển
121	ĐD.III.32	Nguyễn Đình Trung Kiên	11/10/2000	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Chấn thương chỉnh hình	71			71	Trúng tuyển
122	ĐD.III.28	Hà Kim Ngân	15/02/2002	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Chấn thương chỉnh hình	52,5			52,5	Trúng tuyển
123	ĐD.III.31	Nguyễn Văn Thuận	28/01/2000	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Chấn thương chỉnh hình	51			51	Trúng tuyển
124	ĐD.III.29	Nguyễn Thanh Tâm	20/10/1995	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Chấn thương chỉnh hình	49,5			49,5	Không trúng tuyển
125	ĐD.III.30	Lê Hữu Danh	01/10/1999	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Chấn thương chỉnh hình	47,5			47,5	Không trúng tuyển
126	ĐD.III.34	Nguyễn Thái Bảo Di	27/01/1996	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Tổng hợp	57			57	Trúng tuyển
127	ĐD.III.36	Lê Huỳnh Nhật Duy	30/04/1992	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Ung bướu	62	5	Dân tộc thiểu số	67	Trúng tuyển
128	ĐD.III.35	Nguyễn Thị Hồng Loan	10/08/2002	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Ung bướu	64			64	Trúng tuyển
129	ĐD.III.37	Lê Thị Thu Thảo	03/08/2000	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Ung bướu	63			63	Không trúng tuyển
130	ĐD.III.39	Võ Nguyễn Phúc An	26/12/2000	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức	69,5			69,5	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
131	ĐD.III.45	Phạm Thị Quỳnh	16/03/2001	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức	68,5			68,5	Trúng tuyển
132	ĐD.III.41	Nguyễn Xuân Thanh	28/02/2002	Đại học	Điều dưỡng Gây mê hồi sức	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức	65			65	Trúng tuyển
133	ĐD.III.51	Võ Hữu Nam	12/11/2001	Đại học	Điều dưỡng Gây mê hồi sức	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức	65			65	Trúng tuyển
134	ĐD.III.47	Trang Quang Thắng	03/01/2001	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức	62,5			62,5	Trúng tuyển
135	ĐD.III.40	Võ Thị Thanh Tú	12/06/2002	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức	61,5			61,5	Trúng tuyển
136	ĐD.III.49	Nguyễn Khánh Hòa	23/03/2001	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức	61,5			61,5	Trúng tuyển
137	ĐD.III.44	Nguyễn Thị Loan	24/10/2001	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức	61			61	Trúng tuyển
138	ĐD.III.52	Trương Thị Thảo Vy	10/06/2001	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức	59			59	Trúng tuyển
139	ĐD.III.53	Lâm Sơn Mai Vi	24/10/2001	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức	59			59	Trúng tuyển
140	ĐD.III.50	Nguyễn Thị Hồng Phúc	02/06/2001	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức	58			58	Trúng tuyển
141	ĐD.III.43	Đặng Thị Thúy Hằng	02/10/2002	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức	57,5			57,5	Trúng tuyển
142	ĐD.III.48	Lê Đặng Thùy Nhung	02/11/2001	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức	57			57	Trúng tuyển
143	ĐD.III.38	Nguyễn Thị Kim Ngân	28/08/2000	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức	55			55	Trúng tuyển
144	ĐD.III.46	Phan Thị Ngọc Diễm	11/06/2001	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức	55			55	Trúng tuyển
145	ĐD.III.42	Đặng Thị Thùy Vân	24/05/2001	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức	54,5			54,5	Trúng tuyển
146	ĐD.III.54	Hoàng Lê Linh Trang	17/02/2002	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Phẫu thuật tim	57			57	Trúng tuyển
147	ĐD.III.55	Đặng Thị Tuyết Nhi	15/09/2001	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Phẫu thuật tim	56,5			56,5	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
148	ĐD.III.57	Nguyễn Thị Hằng	04/08/2000	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Phẫu thuật tim	56			56	Trúng tuyển
149	ĐD.III.56	Vũ Thị Thanh Mai	01/01/2000	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Phẫu thuật tim	51			51	Trúng tuyển
150	ĐD.III.58	Phạm Nguyễn Kim Quyên	13/11/2002	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Phẫu thuật tim	42			42	Không trúng tuyển
151	ĐD.III.63	Lý Thanh Trúc	24/12/2000	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Cấp cứu	59			59	Trúng tuyển
152	ĐD.III.61	Phạm Thúy Hằng	20/11/2001	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Cấp cứu	57			57	Trúng tuyển
153	ĐD.III.62	Lê Vy	30/10/2001	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Cấp cứu	56,5			56,5	Trúng tuyển
154	ĐD.III.65	Nguyễn Thị Kim Ngân	22/10/1992	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Cấp cứu	56			56	Trúng tuyển
155	ĐD.III.64	Trần Thị Thanh Ngân	05/05/1997	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Cấp cứu	55			55	Trúng tuyển
156	ĐD.III.60	Trương Ngọc Thanh Xuân	22/01/2001	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Cấp cứu	51,5			51,5	Trúng tuyển
157	ĐD.III.66	Hoàng Mỹ Huyền	05/11/2000	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Khám bệnh	71,5			71,5	Trúng tuyển
158	ĐD.III.67	Hoàng Giang Hậu	24/06/1987	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Khám bệnh	66,5			66,5	Không trúng tuyển
159	ĐD.III.68	Nguyễn Thị Thúy Hằng	08/03/2002	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Tai Mũi Họng	60			60	Trúng tuyển
160	ĐD.III.69	Lê Thị Kim Loan	15/01/1979	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	95			95	Trúng tuyển
161	ĐD.III.72	Nguyễn Thị Hoài	05/03/2000	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng	55,5			55,5	Trúng tuyển
162	ĐD.III.75	Lương Thị Khánh Chi	10/01/1999	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng	55,5			55,5	Trúng tuyển
163	ĐD.III.73	Nguyễn Thị Thanh Loan	26/10/2001	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng	52			52	Trúng tuyển
164	ĐD.III.74	Trương Thị Thanh Tâm	12/10/1995	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng	51			51	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
165	ĐD.III.71	Phạm Thị Quyên	02/09/1993	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng	45			45	Không trúng tuyển
166	ĐD.III.70	Nguyễn Đức Minh	05/09/1988	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng	31,5			31,5	Không trúng tuyển
Kỹ thuật Y hạng IV: V.08.07.19												
167	KTY.IV.05	Nguyễn Văn Nghĩa	20/12/1987	Chuyên khoa I	Xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng IV	Khoa Sinh hóa huyết học	62,75			62,75	Trúng tuyển
168	KTY.IV.01	Lê Thị Mỹ	06/03/1993	Cao đẳng	Xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng IV	Khoa Sinh hóa huyết học	43			43	Không trúng tuyển
169	KTY.IV.04	Văn Thị Ngọc Bích	20/02/1997	Cao đẳng	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng IV	Khoa Sinh hóa huyết học	39			39	Không trúng tuyển
170	KTY.IV.02	Huỳnh Kim Hoàng	18/09/2001	Cao đẳng	Xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng IV	Khoa Sinh hóa huyết học	34			34	Không trúng tuyển
171	KTY.IV.07	Nguyễn Như Ái	13/08/1998	Cao đẳng	Xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng IV	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	68			68	Trúng tuyển
172	KTY.IV.06	Trần Thị Thùy Dương	02/08/1999	Cao đẳng	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng IV	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	51			51	Trúng tuyển
Kỹ thuật viên (hạng IV): V.05.02.08												
1	KTV.02	Nguyễn Hoàng Hải	10/03/1995	Cao đẳng	Công nghệ chế tạo máy	Kỹ thuật viên (hạng IV)	Phòng Vật tư, thiết bị y tế	67,5	2,5	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	70	Trúng tuyển
1	KTV.05	Lê Thanh Khoa	04/12/1982	Cao đẳng	Công nghệ thực phẩm	Kỹ thuật viên (hạng IV)	Khoa Dinh Dưỡng	70			70	Trúng tuyển
2	KTV.03	Lê Thị Phương Tây	23/12/1986	Đại học	Công nghệ thực phẩm	Kỹ thuật viên (hạng IV)	Khoa Dinh Dưỡng	41			41	Không trúng tuyển
3	KTV.04	Trần Ngọc Nghi	24/11/2001	Đại học	Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực	Kỹ thuật viên (hạng IV)	Khoa Dinh Dưỡng	37			37	Không trúng tuyển
Kỹ thuật Y hạng III: V.08.07.18												
1	KTY.III.03	Võ Quỳnh Như	19/05/2003	Đại học	Vật lý trị liệu	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	48			48	Không trúng tuyển
2	KTY.III.01	Nguyễn An Gia Khánh	17/07/2001	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	46			46	Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
3	KTY.III.0 1	Nguyễn Thị Nhung	06/09/1996	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	42,5			42,5	Không trúng tuyển
4	KTY.III.0 4	Trần Thị Thu Kiều	10/10/1994	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	34			34	Không trúng tuyển
5	KTY.III.1 2	Lê Ngọc Huân	19/06/1996	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	32			32	Không trúng tuyển
6	KTY.III.0 2	Nguyễn Hoàng Viễn	06/06/1998	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	30			30	Không trúng tuyển
7	KTY.III.1 0	Hồ Thị Minh Thư	20/11/2002	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	22			22	Không trúng tuyển
8	KTY.III.0 8	Trịnh Huyền Linh	28/04/1997	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	14			14	Không trúng tuyển
9	KTY.III.0 6	Trần Hữu Lộc	06/11/1999	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	9			9	Không trúng tuyển
10	KTY.III.1 6	Phan Duy Tân	15/01/2001	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Giải phẫu bệnh	86			86	Trúng tuyển
11	KTY.III.1 3	Nguyễn Thiên Phúc	24/07/2000	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Giải phẫu bệnh	58			58	Không trúng tuyển
12	KTY.III.1 4	Phan Võ Hoàng Nhi	10/10/2002	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Giải phẫu bệnh	44			44	Không trúng tuyển
13	KTY.III.6 3	Nguyễn Hồng Thanh Quyên	05/04/2001	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	85			85	Trúng tuyển
14	KTY.III.5 9	Cù Thị Hà My	14/11/2002	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	84			84	Trúng tuyển
15	KTY.III.6 0	Nguyễn Huỳnh Như	27/09/1998	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	80			80	Trúng tuyển
16	KTY.III.6 2	Phạm Nguyễn Nam Phổ	04/06/2001	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	79			79	Trúng tuyển
17	KTY.III.5 7	Nguyễn Thị Mỹ Dung	24/02/2001	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	74			74	Trúng tuyển
18	KTY.III.6 4	Nguyễn Ngọc Ánh Linh	31/03/2001	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	71			71	Trúng tuyển
19	KTY.III.6 1	Trương Thị Thanh Thảo	21/09/2001	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	71			71	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
20	KTY.III.5 8	Nguyễn Ái Thoại	20/08/2002	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	71			71	Trúng tuyển
21	KTY.III.2 4	Lê Ngô Quỳnh Như	18/07/2003	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	70,5			70,5	Không trúng tuyển
22	KTY.III.3 1	Nguyễn Huỳnh Tô Nga	05/07/2001	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	70			70	Không trúng tuyển
23	KTY.III.4 0	Nguyễn Thanh Trí	08/06/2001	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	70			70	Không trúng tuyển
24	KTY.III.5 6	Đào Ngọc Hiếu Ngân	30/09/2000	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	69			69	Không trúng tuyển
25	KTY.III.2 7	Ngô Nguyễn Khánh Châu	10/09/2003	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	65			65	Không trúng tuyển
26	KTY.III.4 3	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	03/10/2003	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	65			65	Không trúng tuyển
27	KTY.III.4 6	Nguyễn Thị Minh Anh	08/06/2003	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	63			63	Không trúng tuyển
28	KTY.III.1 7	Trần Thị Thu Hương	24/08/1995	Đại học	Xét nghiệm Y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	61			61	Không trúng tuyển
29	KTY.III.2 3	Võ Thị Hồng Ngọc	20/08/2002	Đại học	Kỹ thuật Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	58			58	Không trúng tuyển
30	KTY.III.2 5	Bùi Vũ Thúy Hằng	03/05/1983	Chuyên khoa I	Xét nghiệm Y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	50			50	Không trúng tuyển
31	KTY.III.2 1	Trần Huỳnh Triều Tiên	23/08/2001	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	49			49	Không trúng tuyển
32	KTY.III.1 8	Trịnh Thị Hồng Vân	07/02/2003	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	29			29	Không trúng tuyển
33	KTY.III.1 9	Nguyễn Hoàng Tuấn Anh	14/02/1995	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	34			34	Không trúng tuyển
34	KTY.III.2 0	Trần Thị Kiều Phúc	05/08/1997	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	45			45	Không trúng tuyển
35	KTY.III.2 2	Phan Thị Cẩm Thụy	29/12/2002	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	38			38	Không trúng tuyển
36	KTY.III.2 6	Nguyễn Lê Tấn Phát	04/01/2001	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	46			46	Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
37	KTY.III.3 3	Phạm Thái Hà	17/02/2002	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	41			41	Không trúng tuyển
38	KTY.III.3 6	Nguyễn Phương Huỳnh	07/06/2002	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	57			57	Không trúng tuyển
39	KTY.III.3 9	Hồ Nguyễn Yến Thuận	13/07/2001	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	54			54	Không trúng tuyển
40	KTY.III.4 1	Dương Thị Mỹ Dung	30/10/2003	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	52			52	Không trúng tuyển
41	KTY.III.4 2	Lê Thị Kim Tuyền	08/07/2001	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	51			51	Không trúng tuyển
42	KTY.III.4 4	Vũ Tiên Phước	05/07/2002	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	50			50	Không trúng tuyển
43	KTY.III.4 5	Nguyễn Thúy Quỳnh	08/06/2000	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	44			44	Không trúng tuyển
44	KTY.III.4 7	Lê Nguyễn Ngọc Mai	03/09/2003	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	51			51	Không trúng tuyển
45	KTY.III.4 8	Nguyễn Thị Kim Ngân	13/09/2000	Thạc sĩ	Kỹ thuật xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	44			44	Không trúng tuyển
46	KTY.III.5 0	Võ Thị Thúy	20/11/1992	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	61			61	Không trúng tuyển
47	KTY.III.5 1	Lữ Thị Khánh Duy	13/02/2001	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	29	5	Dân tộc thiểu số	34	Không trúng tuyển
48	KTY.III.5 2	Nguyễn Võ Nam	02/07/1997	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	41			41	Không trúng tuyển
49	KTY.III.5 3	Phạm Thị Diễm My	03/06/2000	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	48			48	Không trúng tuyển
50	KTY.III.5 5	Phan Thị Thủy Linh	10/02/2000	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học	53			53	Không trúng tuyển
51	KTY.III.6 5	Huỳnh Thanh Ngân	01/12/2000	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	khoa Vi sinh	28			28	Không trúng tuyển
Điều dưỡng hạng IV: V.08.05.13												
1	ĐD.IV.01	Phan Thị Minh Nguyệt	17/11/2002	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nội tim mạch	39			39	Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
2	ĐD.IV.02	Nguyễn Hữu Đức Phú	11/08/2003	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tim mạch	57			57	Trúng tuyển
3	ĐD.IV.03	Nguyễn Thị Hải Yến	28/12/2001	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nội tiết - Thận	33			33	Không trúng tuyển
4	ĐD.IV.04	Võ Thị Hồng	20/06/2000	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nội Hô hấp	48			48	Không trúng tuyển
5	ĐD.IV.07	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	06/08/1997	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nội cơ xương khớp	72			72	Trúng tuyển
6	ĐD.IV.06	Trịnh Lâm Vy	20/07/2002	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nội cơ xương khớp	55			55	Trúng tuyển
7	ĐD.IV.08	Hoàng Bảo Nhật Vi	13/11/2003	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Lão	65			65	Trúng tuyển
8	ĐD.IV.10	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	11/11/2003	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Ngoại Thận tiết niệu	81			81	Trúng tuyển
9	ĐD.IV.11	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	28/02/2002	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Ngoại Thận tiết niệu	80			80	Trúng tuyển
10	ĐD.IV.12	Nguyễn Thị Tuyết Hương	13/11/1998	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Ngoại Thận tiết niệu	80			80	Trúng tuyển
11	ĐD.IV.14	Trần Vũ Thanh Triều	29/08/2002	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Ngoại Gan Mật Tụy	60			60	Trúng tuyển
12	ĐD.IV.15	Lê Nguyễn Minh Thư	25/04/2002	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Ngoại Gan Mật Tụy	60			60	Trúng tuyển
13	ĐD.IV.13	Vũ Ngọc Bích Vân	06/03/1985	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Ngoại Gan Mật Tụy	51			51	Không trúng tuyển
14	ĐD.IV.16	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	17/04/1999	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Chấn thương chỉnh hình	60			60	Trúng tuyển
15	ĐD.IV.18	Trần Thị Phúc Ngân	21/03/1985	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức	85			85	Trúng tuyển
16	ĐD.IV.19	Lê Tuyết Mơ	07/07/1998	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức	73			73	Trúng tuyển
17	ĐD.IV.17	Huỳnh Trần Mai Loan	01/11/1996	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức	40	5	Dân tộc thiểu số	45	Không trúng tuyển
18	ĐD.IV.22	Bùi Thị Ngọc Trang	03/05/2002	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Phẫu thuật Tim	60			60	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
19	ĐD.IV.23	Phan Thanh Hằng	01/09/1992	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nhi	57			57	Trúng tuyển
20	ĐD.IV.25	Đào Thị Hồng	15/08/1985	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Cấp cứu	56			56	Trúng tuyển
21	ĐD.IV.24	Đặng Thụy Anh Thu	28/09/2003	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Cấp cứu	37			37	Không trúng tuyển
22	ĐD.IV.27	Trần Thị Trường Hận	02/03/1992	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	80			80	Trúng tuyển
23	ĐD.IV.26	Nguyễn Thị Thùy Như	21/10/1980	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	70			70	Trúng tuyển
24	ĐD.IV.29	Lê Thị Kim Xuyên	15/07/1988	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng	79			79	Trúng tuyển
25	ĐD.IV.28	Lê Thị Hường	16/05/1987	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng	52			52	Không trúng tuyển
Chuyên viên: 01.003												
1	CV.32	Trần Thị An	01/02/1993	Đại học	Quản lý nhà nước	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ	59,5	5	con thương binh	64,5	Trúng tuyển
2	CV.30	Trần Chi Linh	02/05/1998	Đại học	Quản lý nhà nước	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ	60,5			60,5	Trúng tuyển
3	CV.31	Cao Hòa Tiên	03/09/1997	Đại học	Luật kinh tế	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ	56	2,5	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	58,5	Trúng tuyển
4	CV.27	Vũ Bá Khánh Duy	09/05/1995	Đại học	Bảo hiểm	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ	52,5			52,5	Không trúng tuyển
5	CV.03	Phạm Khánh Duy	18/09/1999	Đại học	Quản lý nhà nước	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ	19,25			19,25	Không trúng tuyển
6	CV.05	Nguyễn Võ Thanh Huyền	16/03/1996	Đại học	Luật kinh tế	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ	22,5			22,5	Không trúng tuyển
7	CV.12	Nguyễn Ngọc Diễm	23/08/2003	Đại học	Luật	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ	22			22	Không trúng tuyển
8	CV.14	Nghiêm Hoàng Sơn	13/02/1999	Đại học	Luật	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ	34,25			34,25	Không trúng tuyển
9	CV.16	Trần Thanh Giang	25/09/2002	Đại học	Quản lý công	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ	17			17	Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
10	CV.18	Trần Thùy Linh	02/07/1997	Đại học	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ	20,5			20,5	Không trúng tuyển
11	CV.21	Nguyễn Thị Diễm Hằng	09/10/1999	Đại học	Xã hội học	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ	31			31	Không trúng tuyển
12	CV.22	Nguyễn Thị Kim Phượng	14/06/2001	Đại học	Quản lý nhà nước	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ	8,5			8,5	Không trúng tuyển
13	CV.24	Nguyễn Thị Thu Thủy	12/05/2003	Đại học	Quản lý công	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ	31,25			31,25	Không trúng tuyển
14	CV.25	Nguyễn Ý Ngọc	26/10/2002	Đại học	Luật; Quản lý nhà nước	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ	22			22	Không trúng tuyển
15	CV.28	Nguyễn Thị Cẩm Trinh	16/10/1999	Đại học	Quản lý nhà nước	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ	29,5			29,5	Không trúng tuyển
16	CV.49	Trần Thị Hường	02/06/1991	Đại học	Luật	Chuyên viên	Phòng Hành chính quản trị	56			56	Trúng tuyển
17	CV.50	Trương Nghiêm Ngọc Vi	04/04/1983	Đại học	Luật	Chuyên viên	Phòng Hành chính quản trị	50			50	Trúng tuyển
18	CV.35	Lê Ngân Hằng	11/08/2002	Đại học	Luật kinh tế	Chuyên viên	Phòng Hành chính quản trị	20,75			20,75	Không trúng tuyển
19	CV.41	Lê Hồng Minh Thư	10/03/2001	Đại học	Cử nhân tài chính ngân hàng	Chuyên viên	Phòng Hành chính quản trị	6			6	Không trúng tuyển
20	CV.46	Đỗ Nguyễn Thị Lan Anh	11/06/2000	Đại học	Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	Phòng Hành chính quản trị	21,25			21,25	Không trúng tuyển
21	CV.78	Nguyễn Hoàng My	27/10/1999	Đại học	Đông Nam Á học	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội	77,5			77,5	Trúng tuyển
22	CV.77	Nguyễn Minh Toàn	04/02/1986	Đại học	Báo chí	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội	76,5			76,5	Trúng tuyển
23	CV.75	Nguyễn Kiều Phương	26/12/2002	Đại học	Xã hội học	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội	66,5			66,5	Trúng tuyển
24	CV.76	Hồng Oanh Phụng	29/03/1999	Đại học	Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội	49	5	Dân tộc thiểu số	54	Không trúng tuyển
25	CV.51	Võ Thị Bích Mai	14/05/1994	Đại học	Luật kinh tế	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội	33			33	Không trúng tuyển
26	CV.54	Hồ Trung Tín	13/12/1999	Đại học	Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội	33,75			33,75	Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
27	CV.56	Trương Thái Nhựt Trường	07/10/2001	Đại học	Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội	44,25			44,25	Không trúng tuyển
28	CV.57	Phạm Văn Kỳ	05/02/1981	Đại học	Báo chí và truyền thông	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội	36,5			36,5	Không trúng tuyển
29	CV.58	Nguyễn Thoại Yến Vy	17/12/2004	Đại học	Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội	22,5			22,5	Không trúng tuyển
30	CV.59	Ma Đăng Yến Nhi	21/10/1997	Đại học	Quốc tế học	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội	40			40	Không trúng tuyển
31	CV.61	Lê Huỳnh Phát Đạt	09/01/1998	Đại học	Công tác xã hội	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội	42			42	Không trúng tuyển
32	CV.63	Huỳnh Thương Tính	07/07/1990	Đại học	Báo chí	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội	49			49	Không trúng tuyển
33	CV.66	Hoàng Xuân Phúc	14/10/1998	Đại học	Quản lý nhà nước	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội	31			31	Không trúng tuyển
34	CV.68	Nguyễn Thị Khánh Ngân	16/02/2003	Đại học	Công tác xã hội	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội	36			36	Không trúng tuyển
35	CV.70	Nguyễn Thị Ngọc Tiên	25/08/1998	Đại học	Báo chí	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội	44			44	Không trúng tuyển
36	CV.71	Huỳnh Phạm Phương Trinh	05/09/2001	Đại học	Xã hội học	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội	22,5			22,5	Không trúng tuyển
37	CV.72	Huỳnh Anh Khoa	18/04/1999	Đại học	Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội	27,5			27,5	Không trúng tuyển
Cán sự: 01.004												
1	CS.1	Đỗ Thị Phương Dung	26/04/1994	Cao đẳng	Quản trị văn phòng	Cán sự	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	49			49	không trúng tuyển
Kỹ sư (hạng III): V.05.02.07												
1	KS.02	Nguyễn Văn Tiến Dũng	20/09/2002	Đại học	Vật lý kỹ thuật	Kỹ sư (hạng III)	Phòng Vật tư, thiết bị Y tế	73,5			73,5	Trúng tuyển
2	KS.03	Nguyễn Thành Nghĩa	08/02/2001	Đại học	Bảo dưỡng công nghiệp	Kỹ sư (hạng III)	Phòng Vật tư, thiết bị Y tế	60,5			60,5	Trúng tuyển
3	KS.01	Thiếu Tấn Đạt	29/10/1997	Đại học	Kỹ thuật điện- điện tử	Kỹ sư (hạng III)	Phòng Vật tư, thiết bị Y tế	50			50	Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
Kỹ sư (hạng III): V.05.02.07												
1	KS.15	Phạm Xuân Vinh	17/01/2001	Đại học	Công nghệ thông tin	Kỹ sư (hạng III)	Phòng Công nghệ thông tin	75,5			75,5	Trúng tuyển
2	KS.16	Trần Văn Phúc	08/06/2000	Đại học	Công nghệ thông tin	Kỹ sư (hạng III)	Phòng Công nghệ thông tin	69,5			69,5	Trúng tuyển
3	KS.04	Hàng Phước Thọ	24/08/1983	Đại học	Công nghệ thông tin	Kỹ sư (hạng III)	Phòng Công nghệ thông tin	20			20	Không trúng tuyển
4	KS.14	Mai Nguyễn Quốc Dũng	11/11/2003	Đại học	Công nghệ thông tin	Kỹ sư (hạng III)	Phòng Công nghệ thông tin	11,5			11,5	Không trúng tuyển
5	KS.12	Nguyễn Trần Minh Trí	23/05/1994	Đại học	Công nghệ thông tin	Kỹ sư (hạng III)	Phòng Công nghệ thông tin	6,5			6,5	Không trúng tuyển
Dinh dưỡng (hạng III): V.08.09.25												
1	DD.12	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	14/03/2001	Đại học	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng hạng III	Khoa Dinh dưỡng	69	5	Con thương binh	74	Trúng tuyển
2	DD.13	Nguyễn Thị Hiếu Nguyên	12/07/2001	Đại học	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng hạng III	Khoa Dinh dưỡng	61,5			61,5	Trúng tuyển
3	DD.10	Bùi Ngọc Phương Nghi	30/11/2003	Đại học	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng hạng III	Khoa Dinh dưỡng	43,5			43,5	Không trúng tuyển
4	DD.05	Nguyễn Ngọc Khánh Nguyên	25/10/2003	Đại học	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng hạng III	Khoa Dinh dưỡng	36			36	Không trúng tuyển
5	DD.08	Mai Lê Thanh Ngọc	13/12/2003	Đại học	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng hạng III	Khoa Dinh dưỡng	26,5			26,5	Không trúng tuyển
6	DD.09	Nguyễn Lê Hồng Anh	03/12/2003	Đại học	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng hạng III	Khoa Dinh dưỡng	5			5	Không trúng tuyển
7	DD.11	Đinh Thị Thu Sương	10/02/2000	Đại học	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng hạng III	Khoa Dinh dưỡng	25			25	Không trúng tuyển
Kế toán viên (hạng III): V.06.031												
1	KT.04	Từ Anh Tuấn	06/09/1988	Đại học	Tài chính - ngân hàng	Kế toán viên (hạng III)	Phòng Vật tư, thiết bị y tế	48,5			48,5	Không trúng tuyển
2	KT.05	Nguyễn Thị Ánh Vân	03/06/1990	Đại học	Kế toán	Kế toán viên (hạng III)	Phòng Vật tư, thiết bị y tế	22,5	5	Con thương binh	27,5	Không trúng tuyển
Dược sĩ (hạng III), Dược Lâm sàng: V.08.08.22												

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
1	DS.III.18	Bùi Quang Hiến	29/03/1994	Thạc sĩ	Dược lý và dược lâm sàng	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược -DLS	78			78	Trúng tuyển
2	DS.III.19	Trần Đoàn Minh Thy	29/10/1999	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược- DLS	54			54	Trúng tuyển
3	DS.III.01	Trương Thị Thu Dịu	19/08/2002	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược DLS	20,5			20,5	Không trúng tuyển
4	DS.III.02	Nguyễn Quang Liêm	02/04/1993	Thạc sĩ	Dược lý và dược lâm sàng	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược DLS	30			30	Không trúng tuyển
5	DS.III.10	Lê Hồng Tịnh An	06/01/2000	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược DLS	14,5			14,5	Không trúng tuyển
6	DS.III.16	Nguyễn Thuận Nguyên	10/09/2002	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược DLS	26			26	Không trúng tuyển
7	DS.III.17	Nguyễn Thị Như Trang	23/10/1995	Thạc sĩ	Dược lý và dược lâm sàng	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược DLS	18,5			18,5	Không trúng tuyển
Dược sĩ (hạng III) - Nghiệp vụ Dược: V.08.08.22												
8	DS.III.47	Lưu Thụy Lê Mai	10/03/2000	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược -NVD	84			84	Trúng tuyển
9	DS.III.48	Thạch Thị Diễm Phương	28/09/2001	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược- NVD	78,5	5	Dân tộc thiểu số	83,5	Trúng tuyển
10	DS.III.38	Dương Thị Đan Thanh	24/07/1987	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược -NVD	66,5			66,5	Không trúng tuyển
11	DS.III.20	Phan Triều Tiên	26/11/1994	Đại học	Dược sĩ	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược -NVD	44			44	Không trúng tuyển
12	DS.III.22	Lê Nguyễn Ngọc Trân	01/09/2001	Đại học	Quản lý cung ứng thuốc	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược -NVD	44			44	Không trúng tuyển
13	DS.III.23	Nguyễn Hoàng Phương Anh	17/04/1999	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược -NVD	30			30	Không trúng tuyển
14	DS.III.25	Nguyễn Lê Thanh Trúc	25/05/1984	Đại học	Dược	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược -NVD	8,5			8,5	Không trúng tuyển
15	DS.III.27	Nguyễn Anh Thư	11/08/1999	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược -NVD	18,5			18,5	Không trúng tuyển
16	DS.III.29	Lại Thành Minh	24/04/1993	Đại học	Quản lý cung ứng thuốc	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược -NVD	8	2,5	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	10,5	Không trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
17	DS.III.33	Đỗ Đức Đạt Ngọc	08/11/1994	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược -NVD	32			32	Không trúng tuyển
18	DS.III.34	Bùi Nguyễn Bích Ngọc	30/11/2003	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược -NVD	6			6	Không trúng tuyển
19	DS.III.35	Nguyễn Trung Hậu	29/05/1998	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược -NVD	27,5			27,5	Không trúng tuyển
20	DS.III.37	Dương Thị Mỹ Uyên	21/01/1998	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược -NVD	12			12	Không trúng tuyển
21	DS.III.39	Trần Thị Tuyết Loan	11/09/1979	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược -NVD	28	5	Con thương binh	33	Không trúng tuyển
22	DS.III.43	Hồ Trọng Nhân	10/02/1994	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược -NVD	6			6	Không trúng tuyển
23	DS.III.44	Nguyễn Như Ngọc Nhân	18/03/1994	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược -NVD	39			39	Không trúng tuyển
24	DS.III.45	Trần Thị Thúy Vy	25/05/1999	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược -NVD	37			37	Không trúng tuyển
Dược sĩ (hạng III): V.08.08.22												
25	DS.III.50	Vũ Nguyễn Thảo Vi	22/05/1999	Đại học	Quản lý cung ứng thuốc	Dược sĩ (hạng III)	Phòng Vật tư, thiết bị y tế	51,5			51,5	Trúng tuyển
26	DS.III.49	Nguyễn Võ Thanh Thanh	10/01/1996	Đại học	Quản lý cung ứng thuốc	Dược sĩ (hạng III)	Phòng Vật tư, thiết bị y tế	22			22	Không trúng tuyển
Dược hạng IV: V.08.08.23												
1	DS.IV.07	Nguyễn Võ Thư Thư	15/03/2000	Cao đẳng	Dược	Dược hạng IV	Khoa Dược	51			51	Trúng tuyển
2	DS.IV.02	Lê Đình Quê Trần	25/11/2001	Cao đẳng	Dược học	Dược hạng IV	Khoa Dược	33			33	Không trúng tuyển
3	DS.IV.03	Hoàng Thị Thùy Trinh	17/11/1993	Đại học	Dược học	Dược hạng IV	Khoa Dược	36,5			36,5	Không trúng tuyển
4	DS.IV.04	Trần Lê Thanh Vân	18/06/1999	Đại học	Dược học	Dược hạng IV	Khoa Dược	32			32	Không trúng tuyển

BỆNH VIỆN NHÂN DÂN GIA ĐỊNH